

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2017/HSST

Ngày: 04.12.2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Nga.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Tuyên và ông Lò Văn Pọm.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2017/HSST ngày 03 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phàn A D**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1993.

Nơi đăng ký HKTT: Bản P, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Chỗ ở hiện nay: Bản L, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Dân tộc: Dao; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 5/12.

Con ông: Phàn Chính Q, sinh năm 1966 và con bà: Lù Tả M, sinh năm: 1961.

Bị cáo có vợ là Lý Xa S. sinh năm 1991 và có 02 người con (con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2017; khai tại phiên tòa).

Tiền sự: Không.

Tiền án: 02 tiền án đều về tội trộm cắp tài sản

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu và được trích xuất và bị tạm giam từ ngày 08/02/2017 tại Nhà tạm giữ của Công an huyện Tuần Giáo cho đến nay, bị cáo được trích xuất áp giải đến phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phàn Văn B**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1995.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Bản S, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Dân tộc: Dao; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 9/12.

Con ông: Phàn Dĩ L, đã chết và con bà: Lý Thị T, sinh năm: 1973.

Tại phiên tòa bị cáo khai có vợ là Tần Xa E. sinh năm 1994 và có 01 con sinh năm 2011.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 02 tiền án đều về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu và được trích xuất và bị tạm giam từ ngày 10/01/2017 tại Nhà tạm giữ của Công an huyện Tuần Giáo cho đến nay, bị cáo được trích xuất áp giải đến phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn Bình có: **Ông Nguyễn Quang K** - Luật sư Cộng tác viên trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Phan A Dэм có: **Ông Lê Đình T** - Luật sư Cộng tác viên trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

* **Người bị hại:** Họ và tên: **Lò Thị H**; sinh năm: 1984; trú tại: Bản Nà Hát, xã Mường Bám, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Họ và tên: **Phan Văn M**; sinh năm: 1988; trú tại: Bản L, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu; có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Phan A D và Phan Văn B bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T, truy tố về hành vi phạm tội như sau: Ngày 16/11/2016, Phan Văn D cùng Phan Văn B đã có hành vi cướp giật một túi xách bên trong túi có 8.050.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu xanh, cùng một số giấy tờ cá nhân khác của chị Lò Thị H; sinh năm 1984; trú tại bản N, xã M, huyện T, tỉnh Sơn La.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa Phan A D và Phan Văn B khai và thừa nhận: Khoảng 07 giờ 45 phút ngày 15/11/2016, Phan Văn D mượn xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng; biển kiểm soát 25B1-14224 của anh Phan Văn M; sinh năm 1988; trú tại bản L, xã H, huyện P, tỉnh L. Sau khi, mượn được xe máy D đã rủ Phan Văn B; sinh năm 1995; trú tại bản S, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu đi thăm em trai của D là Phan A Đ; sinh năm 1994 hiện đang chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu thuộc Bộ Công an; đóng tại xã Nà Tấu, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Sau đó, D chở B đi theo đường từ xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu rồi đi thuyền qua Sông Đà sang bản H, xã H, huyện T, tỉnh Điện Biên và đi theo đường Tủa Chùa đi Điện Biên. Đến khoảng 16 giờ ngày 15/11/2016 D và B vào gặp Phan A Đ. Khi đã gặp Đ xong thì đến khoảng 18 giờ cùng ngày, D chở B đi theo đường cũ hướng Điện Biên - Tủa Chùa để về Lai Châu. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, D và B đến thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên do đã mượn nên thuê nhà nghỉ qua đêm. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 16/11/2016, D chở B về nhà theo hướng T. Khoảng 08 giờ cùng ngày, khi đi đến xã B, huyện M; do xe máy gần hết xăng nên D đã rẽ vào cây xăng Búng Lao để mua xăng. Khi D đang chờ mua xăng thì có chị Lò Thị H cũng đang mua xăng. Vị trí của D đứng cách khoảng 2m. Khi chị H mở túi xách màu đỏ đun; loại túi có quai đeo để lấy tiền mua xăng, D phát hiện trong ví của chị H có nhiều tiền. Sau khi chị H đổ xăng xong và trả tiền lên xe điều khiển xe

máy về hướng huyện Tuần Giáo. Cùng lúc đó, D nói chuyện với B là thấy trong túi xách của chị H có nhiều tiền. D và B đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị H và hai người thống nhất đuổi theo để giật túi xách của chị H. D tăng ga đuổi theo được khoảng 2km thuộc địa phận bản P, xã C, huyện T thì đuổi kịp chị H. D thấy đoạn đường vắng không có người qua lại, D điều khiển xe máy áp sát vào xe máy của chị H. Khi áp sát B giật lấy túi xách của chị H đang đeo ở trên vai. B giật được túi xách thì D tăng ga bỏ chạy về hướng Tuần Giáo. Chạy được khoảng 05km, D thấy có một đường mòn phía bên tay phải hướng Điện Biên - Tuần Giáo; D điều khiển xe máy đi lên đường mòn khoảng 40m thì dừng xe lại. Khi dừng xe B xuống xe và đã mở túi ra kiểm tra, thì thấy trong túi gồm: Tiền, điện thoại di động và một số giấy tờ khác như Chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe, giấy phép lái xe. B đã lấy toàn bộ số tiền đưa cho D đếm, D đếm tiền có tổng số tiền là 8.050.000đ. Sau khi đếm xong, D lại đưa lại cho B; B cầm số tiền chia cho D 4.050.000đ, còn B lấy 4.000.000đ và 01 chiếc điện thoại di động. Chia tiền xong B vất chiếc túi xách cùng một số giấy tờ khác vào khe nước, rồi cùng D điều khiển xe máy đi về hướng thị trấn Tuần Giáo. Khi đến khu vực chợ Trung tâm thị trấn Tuần Giáo, D thấy tổ cảnh sát giao thông đang làm nhiệm vụ, sợ bị bắt nên D quay đầu xe bỏ chạy về hướng Hà Nội, chạy được khoảng 5km thì D và B gặp tổ Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ ra chặn xe. Thấy vậy, D dừng xe; D và B bỏ xe máy lại đường quốc lộ cùng chạy qua suối rồi chạy lên rừng trốn. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, thấy không có ai truy đuổi nên D và B xuống đường quốc lộ bắt xe khách xuống Chiềng Pắc - Sơn La. Đến sáng ngày hôm sau, D và B bắt xe khách về thành phố Lai Châu. Sau đó, D và B bắt xe ôm đi về nhà. Còn chiếc điện thoại di động D và B đã cướp giật được khi bị Công an đuổi chạy qua suối đã rơi xuống nước ướt nên đã hỏng không sử dụng được nên khi về đến Lai Châu; B đã ném xuống sông. Sau đó do cả hai bị cáo có hành vi phạm tội, nên đang chấp hành án thì được trích xuất để điều tra làm rõ về hành vi cướp giật tài sản.

Tại bản Cáo trạng số: 101/QĐ-VKS-HS ngày 30/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đã truy tố các bị cáo Phàn A D và Phàn Văn B về tội: Cướp giật tài sản, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng đã truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phàn Văn D từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù tổng hợp hình phạt tù đối với bị cáo D mức hình phạt chung của 2 bản án là 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù. Xử phạt bị cáo Phàn Văn B từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; tổng hợp hình phạt chung của 2 bản án đối với bị cáo B là 6 năm 6 tháng đến 7 năm tù. Áp dụng khoản 5 Điều 136 BLHS không phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo vì điều kiện khó khăn thuộc hộ nghèo. Về phần bồi thường thiệt hại, người bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 42 BLHS; Điều 584; 585; 587; 589 Bộ

luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo D bồi thường cho chị H số tiền là 4.050.000đ và bị cáo B bồi thường cho chị H là 4.000.000đ. Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS trả lại cho anh Phan Văn M 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha loại xe Sirius; 01 chiếc mũ bảo hiểm màu trắng cũ đã qua sử dụng. Áp dụng Điều 99 BLTTHS; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Phan A D đưa ra luận cứ và đề nghị: Người bào chữa cho bị cáo đồng tình với tội danh của vị đại diện Viện kiểm sát. Trong vụ án này khi xem xét lượng hình đối với bị cáo D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau đối với bị cáo: Khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai rất rõ ràng trong khi điều tra làm rõ về hành vi phạm tội trộm cắp tài sản trước đó bị cáo đã khai ra hành vi phạm tội cướp giật tài sản mặc dù D không tự mình đến cơ quan điều tra để trình báo nhưng xét thấy cần áp dụng điểm o khoản 1 Điều 46 BLHS cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ bị cáo đã tự thú. Từ những phân tích đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên mức hình phạt thấp nhất mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có nền kinh tế đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử không phạt bổ sung bằng tiền và miễn án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn B đưa ra luận cứ và đề nghị: Người bào chữa cho bị cáo đồng tình với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo; trong quá trình khởi tố, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình gây ra nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Về tính chất vụ án đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự chuẩn bị trước, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về vai trò của B trong vụ án này chỉ là người thực hiện hành vi nên cần đưa ra mức án phù hợp với tính chất hành vi của B trong vụ án này. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có nền kinh tế đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử không phạt bổ sung bằng tiền và miễn án phí cho bị cáo.

Ngày 23/11/2017 người bị hại là chị Lò Thị H đã có đơn đề nghị bồi thường thiệt hại yêu cầu hai bị cáo Phan A D và bị cáo Phan Văn B bồi thường số tiền 8.050.000đ, ngoài ra chị cũng không có yêu cầu phải bồi thường khác. Tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên yêu cầu về phần bồi thường thiệt hại, về phần hình phạt đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, các bị cáo cũng đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền 8.050.000đ cho chị H, nhưng hiện tại do đang phải chấp

hành án chưa có điều kiện bồi thường ngay, khi nào có điều kiện sẽ bồi thường cho chị Hợi sau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phàn Văn M đã đề nghị Hội đồng xem xét cho anh M xin lại chiếc xe máy mà anh đã cho bị cáo D mượn. Bởi khi mượn xe D không nói là D dùng xe để thực hiện hành vi phạm tội.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở đã xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của bị cáo và Kiểm sát viên; người bào chữa cho các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

XÉT THẤY:

Các bị cáo Phàn A D và Phàn Văn B đã thừa nhận vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 16/11/2016 các bị cáo đã có hành vi cướp giật 01 túi bên trong túi có 8.050.000đ (*Tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy đăng ký xe máy và 01 giấy phép lái xe của chị Lò Thị H; sinh năm 1984; trú tại: Bản N, xã M, huyện T, tỉnh Sơn La; rồi nhanh chóng tẩu thoát. Mục đích cướp giật tài sản của các bị cáo là để sử dụng cá nhân. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Lời trình báo của người bị hại; biên bản bắt người; biên bản hỏi cung bị can; bản kết luận định giá tài sản và nội dung truy tố của bản Cáo trạng.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích rõ hành vi của các bị cáo, lời luận tội của Vị đại diện Viện kiểm sát hoàn toàn phù hợp với lời khai về hành vi của các bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy đã đủ yếu tố cấu thành tội cướp giật tài sản quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS năm 1999. Bởi vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn chính xác.

Xét tính chất vụ án thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của chị Lò Thị H được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội ở địa phương, hành vi tảo bạo của bị cáo còn gây ra tâm lý hoang mang lo lắng trong nhân dân. Bởi vậy, cần xử lý bị cáo nghiêm minh trước pháp luật.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo Phàn A D thấy: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu; được bố mẹ cho ăn học hết lớp 5/12 thì ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Năm 2011 lấy vợ tên là Lý Xa S và có 01 người con. Năm 2014 bị Công an huyện Phong Thổ bắt và khởi tố về hành vi Trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ tuyên phạt 12 tháng tù giam. Ngày 09/01/2017 cùng với Phàn Văn B, Tẩn Chấn S trộm cắp tài sản, đến ngày 08/02/2017 bị Công an huyện Phong Thổ bắt, khởi tố về hành vi Trộm cắp tài

sản và bị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ tuyên phạt 36 tháng tù. Trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 09/01/2017 bị cáo đã cùng Phàn Văn B thực hiện hành vi Cướp giật tài sản của chị Lò Thị H và bị khởi tố. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 BLHS. Với nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người nông dân, đã có gia đình nhưng chỉ vì không tu trí làm ăn, lao động sản xuất mà chỉ muốn có được tài sản một cách dễ dàng để mục đích phục vụ cho bản thân. Hơn hết, bị cáo đã từng nhận được sự cải tạo giáo dục của Pháp luật chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Bởi vậy, cần có mức hình phạt thật nghiêm khắc đối với bị cáo để bị cáo có thời gian cải tạo giáo dục trở thành người tốt và có ích cho gia đình, xã hội.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo Phàn Văn B thấy: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu; được bố mẹ cho ăn học hết lớp 9/12 thì ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Năm 2010 lấy vợ tên là Tần Xa E và có 01 người con. Năm 2014 bị Công an huyện Phong Thổ bắt và khởi tố về hành vi Trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ tuyên phạt 12 tháng tù giam. Ngày 09/01/2017 cùng với Phàn A D, Tần Chấn S trộm cắp tài sản, đến ngày 08/02/2017 bị Công an huyện Phong Thổ bắt, khởi tố về hành vi Trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ tuyên phạt 30 tháng tù. Trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 09/01/2017 bị cáo đã cùng Phàn A D thực hiện hành vi Cướp giật tài sản của chị Lò Thị H và bị khởi tố. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 BLHS. Với nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người nông dân, đã có gia đình nhưng chỉ vì không tu trí làm ăn, lao động sản xuất mà chỉ muốn có được tài sản một cách dễ dàng để mục đích phục vụ cho bản thân. Hơn hết, bị cáo đã từng nhận được sự cải tạo giáo dục của Pháp luật chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Bởi vậy, cần có mức hình phạt thật nghiêm khắc đối với bị cáo để bị cáo có thời gian cải tạo giáo dục trở thành người tốt và có ích cho gia đình, xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo D giữ vai trò khởi xướng, sau khi bàn bạc thống nhất, các bị cáo đã có hành vi dùng phương tiện nguy hiểm là xe máy để áp sát nhằm chiếm đoạt tài sản của chị Lò Thị H. Từ hành vi của các bị cáo có thể thấy, khi thực hiện hành vi các bị cáo không có một chút do dự, mọi hành vi diễn ra hết sức công khai. Sau khi phạm tội, các bị cáo đã có sự thống nhất chia tài sản. Qua hành vi tảo bạo của các bị cáo có thể thấy rằng, thái độ coi thường pháp

luật của các bị cáo; nên cần phải xử lý nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tài sản của các bị cáo thì thấy rằng các bị cáo không có tài sản, bản thân gia đình các bị cáo đều thuộc hộ nghèo, Hội đồng xét xử xét thấy nếu phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo sẽ không có khả năng thi hành vì vậy cần căn cứ vào khoản 5 Điều 136 BLHS, không phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên mức hình phạt đối với bị cáo Phan Văn D từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù tổng hợp hình phạt tù đối với bị cáo D mức hình phạt chung của 2 bản án là 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù. Xử phạt bị cáo Phan Văn B từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; tổng hợp hình phạt chung của 2 bản án đối với bị cáo B là 6 năm 6 tháng đến 7 năm tù. Hội đồng xét xử thấy là phù hợp với tính chất mức độ hành vi của các bị cáo nên cần chấp nhận.

Đối với lời bào chữa và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo B về tình tiết giảm nhẹ cũng như là nhân thân hoàn cảnh của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo D, Hội đồng xét xử thấy đề nghị áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS là phù hợp nên chấp nhận. Đối với đề nghị áp dụng điểm o khoản 1 Điều 46 BLHS vì cho rằng bị cáo D đã tự thú về hành vi cướp giật tài sản trong quá trình cơ quan điều tra đang tiến hành điều tra về hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy là không phù hợp, bởi khi xảy ra vụ việc cướp giật tài sản của chị Lò Thị H, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, điều tra để tìm đối tượng Phan A D. Tuy nhiên tại thời điểm đó Phan A D không có mặt tại địa phương nên cơ quan điều tra không thể tiếp tục điều tra. Bởi vậy, đề nghị của người bào chữa cho bị cáo D là không phù hợp với quy định về hành vi tự thú nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với phần bồi thường dân sự: Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của các bị cáo đã gây thiệt hại cho chị Lò Thị H, cụ thể gồm 8.050.000đ; 01 chiếc điện thoại masstel; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy đăng ký xe; 01 giấy phép lái xe. Tuy nhiên, chị Lò Thị H chỉ yêu cầu các bị cáo bồi thường cho chị là 8.050.000đ; bởi vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị H yêu cầu là do ý trí tự định đoạt của chị H, xét thấy có căn cứ chấp nhận nên cần chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của chị Lò Thị H buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại cho chị H là 8.050.000đ. Cụ thể chia theo tỷ lệ mà các bị cáo đã chiếm đoạt của chị H.

Vật chứng vụ án: Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha loại xe Sirius màu sơn trắng - đen; biển kiểm soát 25B1-14224; số máy: 5C6K092370; số khung RLCS5C6K0DY092342, xe đã qua sử dụng có 01 gương thấp bên trái là chiếc xe mà các bị cáo điều khiển khi thực hiện hành vi phạm tội và 01 chiếc mũ bảo hiểm màu trắng đã qua sử dụng. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị

cáo đều khai rõ đây là xe bị cáo D đã mượn của anh Phan Văn M để đi thăm em trai đang chấp hành án nên anh M không biết D đã dùng xe máy của anh để thực hiện hành vi phạm tội. Ngày 01/11/2017 anh Phan Văn M đã có đơn xin lại tài sản, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đề nghị xin lại tài sản của anh Phan Văn M.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Phan A D và bị cáo Phan Văn B được miễn án phí HSST và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lý do trên, Hội đồng xét xử,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan A D và bị cáo Phan Văn B phạm tội Cướp giật tài sản.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Phan A D 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù; áp dụng Áp dụng Điều 51 BLHS tổng hợp hình phạt của Bản án số: 43/2017/HSST ngày 29/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; tuyên bố Phan Văn D phạm tội Trộm cắp tài sản và xử phạt bị cáo Phan A D 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Hình phạt chung của hai bản án là 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/02/2017.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Phan Văn Bình 04 (Bốn) năm tù; áp dụng Áp dụng Điều 50; Điều 51 BLHS năm 1999 tổng hợp hình phạt của Bản án số: 43/2017/HSST ngày 29/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; tuyên bố Phan Văn B phạm tội Trộm cắp tài sản và xử phạt bị cáo Phan A B 30 (Ba mươi) tháng tù. Hình phạt chung của hai bản án là 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2017.

3. Về bồi thường dân sự: Căn cứ vào Điều 42 BLHS, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 bị cáo Phan A D bồi thường cho chị Lò Thị H tổng số tiền 4.050.000đ (Bốn triệu không trăm năm mươi đồng); bị cáo Phan Văn B bồi thường cho chị Lò Thị H tổng số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án đã có hiệu lực pháp luật. Người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS tuyên trả lại cho anh Phan Văn M 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha loại xe Sirius màu sơn trắng - đen; biển kiểm soát 25B1-14224; số máy: 5C6K092370; số khung RLCS5C6K0DY092342, xe đã qua sử dụng có 01 gương thấp bên trái và 01 chiếc mũ bảo hiểm đã cũ qua sử dụng. Đặc điểm vật chứng nói trên được ghi theo Phiếu nhập kho vật chứng số PNKVC11 ngày 27/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo.

5. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Phan A D và bị cáo Phan Văn B được miễn án phí HSST và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Các bị cáo; chị Lò Thị H; anh Phan Văn M có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 04/12/2017).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘ THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Tuyên Lò Văn Pọm

Lương Thị Nga

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Công an huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

